

Số/No. 240/2023/WSB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng bán niên 2023 đã kiểm toán)

(*Information disclosure of Audited
Separate Financial Statements for the
first 6 months of 2023*)

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Can Tho, August 11, 2023

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

**To: Hanoi Stock Exchange (HNX)
State Securities Commission of Vietnam (SSC);**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng bán niên năm 2023 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose information of Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2023 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được kiểm toán / The Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2023

- BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

The Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2023 as prescribed in Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

BCTC riêng (TCĐKGD QML không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (large-scale transaction registration organization has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

BCTC hợp nhất (TCĐKGD QML có công ty con);

Consolidated Financial Statements (large-scale transaction registration organization has subsidiaries)

BCTC tổng hợp (TCĐKGD QML có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (large-scale transaction registration organization has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

Explanatory documents that must be disclosed together with the financial statements as prescribed in Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Did the profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year?

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Explanatory documents of profit change 10% compared to the same period of the previous year:

Có/Yes

Không/No

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 bằng 83,86% so với 6 tháng đầu năm 2022 do doanh thu tài chính thấp hơn.

Explaining the difference in profit after tax in the first 6 months of 2023 compared to the first 6 months of 2022: Profit after tax in the first 6 months of 2023 was 83.86% compared to the first 6 months of 2022 because of lower financial income.

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Did profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa?

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Explanatory documents of profit after tax in the period of loss, converted from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa:

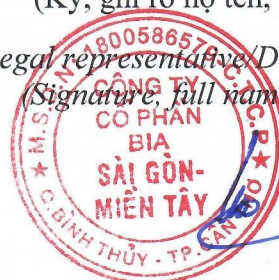
Có/Yes

Không/No

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*Legal representative/ Disclosure Authorization
(Signature, full name, job position, seal)*



Lê Đăng Khoa



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 13 tháng 5 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Lê Đăng Khoa

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây **Báo cáo của Ban Giám đốc**


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00256-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		323.998.465.407	273.642.544.577
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	92.468.344	4.816.890.535
Tiền	111		92.468.344	71.890.535
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.745.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		201.844.000.000	174.149.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	201.844.000.000	174.149.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.819.882.428	67.850.828.447
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	8.456.314.077	3.872.914.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		679.551.874	1.610.538.586
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	85.684.016.477	62.367.375.041
Hàng tồn kho	140	12	26.254.728.124	26.309.552.222
Hàng tồn kho	141		27.178.673.308	27.274.636.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(923.945.184)	(965.084.592)
Tài sản ngắn hạn khác	150		987.386.511	516.273.373
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		987.386.511	516.273.373

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		409.383.428.880	417.784.131.062
Tài sản cố định	220		159.276.176.027	176.205.598.892
Tài sản cố định hữu hình	221	13	159.276.176.027	176.205.598.892
Nguyên giá	222		527.230.814.062	525.851.989.118
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(367.954.638.035)	(349.646.390.226)
Bất động sản đầu tư	230	14	2.353.614.806	2.433.851.672
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.658.228.564)	(1.577.991.698)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.221.921	61.931.012
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	32.221.921	61.931.012
Đầu tư tài chính dài hạn	250		230.522.715.400	223.080.715.400
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(c)	9.542.000.000	2.100.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		17.198.700.726	16.002.034.086
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	15.550.448.716	14.140.881.884
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.648.252.010	1.861.152.202
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		733.381.894.287	691.426.675.639

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		55.593.215.687	47.082.472.267
Nợ ngắn hạn	310		51.971.172.042	43.460.428.622
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.572.355.392	4.196.898.093
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.443.294	15.825.144
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	26.008.048.691	16.419.465.040
Phải trả người lao động	314		5.745.446.149	4.507.898.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.409.738.607	4.188.349.926
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	8.565.486.488	8.119.583.464
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.665.653.421	6.012.408.409
Nợ dài hạn	330		3.622.043.645	3.622.043.645
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	3.572.543.645	3.572.543.645
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		677.788.678.600	644.344.203.372
Vốn chủ sở hữu	410	22	677.788.678.600	644.344.203.372
Vốn cổ phần	411	23	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		355.077.231.646	321.632.756.418
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		305.739.932.803	283.368.844.586
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		49.337.298.843	38.263.911.832
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		733.381.894.287	691.426.675.639

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	104.618.769.206	95.531.915.580
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	90.610.298.153	81.018.607.388
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.008.471.053	14.513.308.192
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	46.461.997.953	55.116.166.476
Chi phí tài chính	22		-	19.319.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	19.319.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6.832.691.901	6.028.380.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		53.637.777.105	63.581.774.699
Thu nhập khác	31		525.264.822	98.819.911
Chi phí khác	32		5.463.415	2.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		519.801.407	96.819.911
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.157.578.512	63.678.594.610
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.870.666.553	2.387.406.871
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	212.900.192	390.016.805
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.074.011.767	60.901.170.934

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		54.157.578.512	63.678.594.610
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		18.388.484.675	19.114.635.136
Các khoản dự phòng	03		(41.139.408)	7.421.328
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.324.136.898)	(4.399.360.628)
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được phân phối	05		(39.137.793.786)	(50.716.804.666)
Chi phí lãi vay	06		-	19.319.178
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		26.042.993.095	27.703.804.958
Biến động các khoản phải thu	09		(3.827.369.943)	(3.824.389.533)
Biến động hàng tồn kho	10		95.963.506	(1.130.902.363)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		7.702.613.553	(8.764.393.473)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.849.970.879)	277.165.488
			28.164.229.332	14.261.285.077
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(19.319.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.047.809.665)	(2.411.030.272)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.391.462.021)	(2.490.576.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.724.957.646	9.340.359.555
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(738.647.483)	(3.589.063.565)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(105.287.000.000)	(62.250.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		70.150.000.000	82.720.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lợi nhuận được phân phối và cổ tức	27		23.320.246.646	12.840.217.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.555.400.837)	29.721.153.825

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	-	7.200.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(7.200.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(14.893.979.000)	(21.847.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.893.979.000)	(21.847.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.724.422.191)	17.213.878.380
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4.816.890.535	8.787.430.794
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	92.468.344 26.001.309.174

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

 Dương Thị Thúy Hồng <i>Người lập</i>	 Trương Thị Mỹ Hồng <i>Kế toán trưởng</i>	 Lê Đăng Khoa <i>Giám đốc</i>
---	---	---



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 106 nhân viên (1/1/2023: 104 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iv) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì phản ánh các chi phí để sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác không đáp ứng các điều kiện ghi nhận tài sản cố định. Chi phí bảo trì được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là một bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	54.435.400	36.699.200
Tiền gửi ngân hàng	38.032.944	35.191.335
Các khoản tương đương tiền	-	4.745.000.000
	<hr/>	<hr/>
	92.468.344	4.816.890.535
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5% đến 9,2% một năm (1/1/2023: 5,2% đến 9,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023					1/1/2023				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“SBL”)	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	22.696.960.000 (**)	2.402.400	20,00%	7.000.000.000	-	23.975.952.000 (**)
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	-				<u>220.980.715.400</u>	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào SBL tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết trên sàn chứng khoán UPCOM tại các ngày tương ứng này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 6% một năm (1/1/2023: 9,2% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.324.518.840	3.480.010.820
Các khách hàng khác	131.795.237	392.904.000
	<hr/>	<hr/>
	8.456.314.077	3.872.914.820

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.324.518.840	3.480.010.820
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	36.748.800	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	392.904.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	78.167.310.644	58.176.620.358
Phải thu lãi tiền gửi	7.319.963.626	4.168.969.874
Phải thu khác	196.742.207	21.784.809
	<hr/> 85.684.016.477	<hr/> 62.367.375.041

12. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	150.703.000	-
Nguyên vật liệu	6.248.534.056	-	9.108.038.398	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.352.519.352	(923.945.184)	3.142.303.532	(965.084.592)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.028.463.020	-	10.829.475.149	-
Thành phẩm	5.549.156.880	-	4.044.116.735	-
	<hr/> 27.178.673.308	<hr/> (923.945.184)	<hr/> 27.274.636.814	<hr/> (965.084.592)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 924 triệu VND (1/1/2023: 965 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	965.084.592	786.045.982
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	152.146.840
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(41.139.408)	(144.725.512)
	<hr/> 923.945.184	<hr/> 793.467.310

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	68.669.251.897	438.569.940.018	8.464.249.179	10.148.548.024	525.851.989.118
Tăng trong kỳ	-	1.311.552.217	-	67.272.727	1.378.824.944
Số dư cuối kỳ	68.669.251.897	439.881.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	527.230.814.062
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	38.939.039.344	295.084.304.815	6.647.088.099	8.975.957.968	349.646.390.226
Khấu hao trong kỳ	1.553.904.175	16.050.941.392	321.597.045	381.805.197	18.308.247.809
Số dư cuối kỳ	40.492.943.519	311.135.246.207	6.968.685.144	9.357.763.165	367.954.638.035
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	29.730.212.553	143.485.635.203	1.817.161.080	1.172.590.056	176.205.598.892
Số dư cuối kỳ	28.176.308.378	128.746.246.028	1.495.564.035	858.057.586	159.276.176.027

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 77.998 triệu VND (1/1/2023: 77.830 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.577.991.698
Khấu hao trong kỳ	80.236.866
Số dư cuối kỳ	1.658.228.564
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.433.851.672
Số dư cuối kỳ	2.353.614.806

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	61.931.012	8.741.261.818
Tăng trong kỳ	1.000.000	4.123.958.110
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(12.445.945.455)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(30.709.091)	-
Số dư cuối kỳ	32.221.921	419.274.473

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí bảo trì VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	10.691.887.351	1.064.947.012	2.384.047.521	-	14.140.881.884
Tăng trong kỳ	-	-	174.594.000	2.280.037.663	2.454.631.663
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(335.925.000)	(476.402.507)	-	(1.045.064.831)
Số dư cuối kỳ	10.459.150.027	729.022.012	2.082.239.014	2.280.037.663	15.550.448.716

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Solar Z	1.358.384.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Việt Sơn	728.059.955	-
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thăng	355.341.400	519.694.500
Các nhà cung cấp khác	1.130.570.037	3.677.203.593
	3.572.355.392	4.196.898.093

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	36.003.234	3.081.273

Các khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.472.499.000	85.529.001.395	(84.868.847.560)	-	14.132.652.835
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.047.809.665	2.870.666.553	(1.047.809.665)	-	2.870.666.553
Thuế giá trị gia tăng	1.886.282.875	18.892.520.538	(5.854.469.437)	(5.981.440.771)	8.942.893.205
Thuế thu nhập cá nhân	12.873.500	1.384.523.449	(1.335.560.851)	-	61.836.098
Thuế khác	-	7.953.291	(7.953.291)	-	-
	16.419.465.040	108.684.665.226	(93.114.640.804)	(5.981.440.771)	26.008.048.691

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Cổ tức phải trả	4.504.707.808	4.898.686.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	652.173.600	707.173.600
Phải trả khác	3.408.605.080	2.513.723.056
	8.565.486.488	8.119.583.464

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.012.408.409	9.383.610.945
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	1.596.456.060	1.471.605.524
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	1.448.250.973	(3.839.567.192)
Sử dụng trong kỳ	(4.391.462.021)	(2.474.846.392)
	4.665.653.421	4.540.802.885

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.572.543.645	3.633.513.972
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(15.729.680)
	3.572.543.645	3.617.784.292

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	145.000.000.000	177.711.446.954	301.223.850.036	623.935.296.990
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.901.170.934	60.901.170.934
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(21.750.000.000)	(21.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(1.471.605.524)	(1.471.605.524)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2021 (Thuyết minh 20)	-	-	3.839.567.192	3.839.567.192
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(196.043.757)	(196.043.757)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	145.000.000.000	177.711.446.954	342.602.366.239	665.313.813.193
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.698.039.460	9.698.039.460
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.471.605.524)	(1.471.605.524)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(196.043.757)	(196.043.757)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	145.000.000.000	177.711.446.954	321.632.756.418	644.344.203.372
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	51.074.011.767	51.074.011.767
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(1.596.456.060)	(1.596.456.060)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	(1.448.250.973)	(1.448.250.973)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(140.256.864)	(140.256.864)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	55.427.358	55.427.358
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	145.000.000.000	177.711.446.954	355.077.231.646	677.788.678.600

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 18 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: Đại hội đồng Cổ đông quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, trong đó 21.750 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2021).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	764.981.800	750.809.505
Từ hai đến năm năm	1.707.666.325	1.941.471.252
Sau năm năm	3.895.374.617	3.933.170.737
	6.368.022.742	6.625.451.494

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	3.029.063.006
	-	3.029.063.006

(c) Tài sản nhận giữ hộ các bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2023	1/1/2023
Chai	Chai	2.097.521	1.414.621
		2.097.521	1.414.621

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	101.526.429.305	92.066.023.616
▪ Cung cấp dịch vụ	312.000.000	312.000.000
▪ Doanh thu khác	2.780.339.901	3.153.891.964
	104.618.769.206	95.531.915.580

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	90.366.240.433	80.040.535.679
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	121.040.238	119.969.784
▪ (Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(41.139.408)	7.421.328
▪ Giá vốn khác	164.156.890	850.680.597
	90.610.298.153	81.018.607.388

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được phân phối	39.137.793.786	50.716.804.666
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	7.324.136.898	4.399.360.628
Doanh thu tài chính khác	67.269	1.182
	46.461.997.953	55.116.166.476

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.704.254.243	3.679.372.109
Chi phí khấu hao	183.151.458	183.151.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.791.023	525.366.979
Chi phí quản lý khác	1.435.495.177	1.640.490.245
	<hr/>	<hr/>
	6.832.691.901	6.028.380.791
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	50.851.289.077	42.923.182.099
Chi phí nhân công và nhân viên	15.447.380.306	11.372.707.896
Chi phí khấu hao	18.388.484.675	19.114.635.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.678.965.390	5.320.114.482
Chi phí khác	7.076.870.606	8.316.348.566
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.870.666.553	1.922.522.174
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	-	464.884.697
	2.870.666.553	2.387.406.871
 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	212.900.192	390.016.805
	3.083.566.745	2.777.423.676

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.157.578.512	63.678.594.610
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.831.515.702	12.735.718.922
Chi phí không được khấu trừ thuế	79.609.800	66.066.666
Thu nhập không bị tính thuế	(7.827.558.757)	(10.143.360.933)
Điều chỉnh chi phí thuế của những kỳ trước	-	464.884.697
Điều chỉnh khác	-	(345.885.676)
	3.083.566.745	2.777.423.676

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	187.055.430.700	173.070.623.670
Trả lại hàng mua	-	864.840.000
Mua nguyên vật liệu	39.590.025.618	33.858.785.124
Cổ tức đã trả	10.229.750.000	11.092.500.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Phân phối lợi nhuận từ công ty con	35.789.490.286	48.824.997.666
Bán nguyên vật liệu	-	711.803.960
Mua nguyên vật liệu	2.807.788	15.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Cổ tức công bố	2.402.400.000	-
Cổ tức được chia	1.201.200.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cổ tức được chia	945.903.500	1.891.807.000
Bán nguyên vật liệu	33.408.000	1.794.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng bao bì	32.730.213	1.504.344
Bán kết nhựa rỗng đã qua sử dụng	284.375.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	227.300.000	101.400.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa và dịch vụ	572.218.660	368.771.302
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	31.118.182	57.047.500

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	56.368.000	75.876.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Neo Gim Siong Bennett	65.000.000	65.000.000
Ông Trần Nguyên Trung	45.500.000	45.500.000
Ông Phạm Đình Hùng	45.500.000	45.500.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	45.500.000	45.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	45.500.000	45.500.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các trợ cấp khác	2.110.883.802	1.999.384.815
Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và thù lao	397.658.564	362.859.728

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	1.876.072.006	1.234.894.545

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc